

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN

Số: 05/2020/HĐVC-FT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội khóa XIII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội khóa XI nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào nhu cầu và sự thoả thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại Hải Dương, chúng tôi gồm:

Bên thuê (Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN & SX THIẾT BỊ TẾ FORTURE VIỆT NAM

- Địa chỉ : Thôn Cậy, Xã Long Xuyên, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
- Điện thoại: 0904005200 Fax:
- Mã số thuế : 0801252087
- Đại diện : Ông Phạm Văn Việt Chức vụ: Giám đốc

Bên cho thuê (Bên B): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & VẬN TẢI BÌNH AN PHÁT

- Địa chỉ: Thôn Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
- Điện thoại: 0936900100
- Mã số thuế: 0801182471
- Đại diện: Ông Vũ Đình Tùng Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thoả thuận các nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1. Loại hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng.

- Loại thuê vận chuyển hàng hóa: trọn gói
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng

Điều 2: Hàng hoá vận chuyển

1. Tên hàng: Bên A thuê Bên B vận tải những hàng hoá sau:
✚ Trang thiết bị y tế.

2. Tính chất hàng hoá: Bên B cần lưu ý bảo đảm cho Bên A những loại hàng sau được an toàn:

⚡ Trang thiết bị y tế;

3. Đơn vị tính đơn giá cước là kilômét (Km).

Điều 3. Địa điểm giao hàng và nhận hàng

- Địa điểm nhận hàng: Bên B đưa phương tiện đến nhận hàng tại Thôn Tân Hương, xã Tân Việt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương do Bên A giao;
- Địa điểm giao hàng: Theo từng đơn hàng bên A có trách nhiệm thông báo địa điểm giao hàng cho bên B trước 01 ngày nhận hàng.

Điều 4. Phương tiện vận tải

1. Bên A yêu cầu bên B vận tải số hàng trên bằng phương tiện xe tải thùng kín;
2. Bên B chịu trách nhiệm về kỹ thuật cho phương tiện vận tải để bảo đảm vận tải trong thời gian di chuyển hoàn thành;
3. Bên B phải chuẩn bị đầy đủ giấy tờ cho phương tiện đi lại hợp lệ trên tuyến đường giao thông đó để vận tải số hàng hoá đã thoả thuận như trên và chịu mọi hậu quả về giấy tờ pháp lý của phương tiện vận tải;
4. Bên B phải làm vệ sinh phương tiện vận tải khi nhận hàng, chi phí vệ sinh phương tiện vận tải sau khi giao hàng;
5. Bên B có quyền từ chối không nhận hàng nếu Bên A giao hàng không đúng loại hàng ghi trong hợp đồng khi xét thấy phương tiện điều động không thích hợp với loại hàng đó;
6. Trường hợp Bên B đưa phương tiện đến nhận hàng chậm so với lịch giao nhận phải chịu phạt hợp đồng là 100.000 đồng/giờ.

Điều 5. Chứng từ, hóa đơn cho việc vận chuyển hàng hoá

1. Bên B phải xác báo lại cho Bên A số lượng và trọng tải các phương tiện có thể điều động trong vòng 24 giờ trước khi Bên A giao hàng. Nếu Bên A không xác báo xin phương tiện thì Bên B không chịu trách nhiệm;
2. Bên A phải làm hợp đồng, hóa đơn cho từng chuyến giao hàng ghi rõ tên hàng và số lượng. Bên A phải có trách nhiệm về những điều mình ghi trong hợp đồng giao cho Bên B;
3. Bên A phải đính kèm hợp đồng, hóa đơn với các giấy tờ khác cần thiết để các cơ quan chuyên trách có thể yêu cầu xuất trình khi kiểm soát như:

⚡ Giấy phép lưu thông loại hàng hoá ;

⚡ Biên lai, phiếu xuất... xưởng.

Nếu không có đủ các giấy tờ khác cần thiết cho việc vận chuyển các loại hàng hoá đó thì phải chịu phạt chờ đợi là 100.000 đồng/giờ..

Điều 6. Phương thức giao nhận hàng

Hai bên thỏa thuận, tùy theo từng loại hàng và tính chất phương tiện vận tải mà công tác giao nhận theo một trong các phương thức sau:

1. Nguyên đai, nguyên kiện;
2. Theo số lượng.

Điều 7. Trách nhiệm xếp dỡ hàng hoá

3. Bên A có trách nhiệm xếp dỡ hàng hoá.
 - ✚ Tại địa điểm có thể tổ chức xếp dỡ chuyên trách thì chi phí xếp dỡ do chủ hàng (Bên A) chịu.
 - ✚ Trong trường hợp chủ hàng phụ trách xếp dỡ (không thuê chuyên trách) thì bên vận tải có trách nhiệm hướng dẫn về kỹ thuật xếp dỡ.

Điều 8. Áp tải hàng hoá (nếu có)

1. Bên A cử 01 người theo phương tiện để áp tải (có thể ghi rõ họ tên);
2. Người áp tải có trách nhiệm bảo vệ hàng hoá và giải quyết các thủ tục kiểm tra liên quan đến hàng hoá trên đường vận chuyển;
3. Bên B không phải chịu trách nhiệm hàng mất mát nhưng phải có trách nhiệm điều khiển phương tiện đúng yêu cầu kỹ thuật để không gây hư hỏng, mất mát hàng hoá. Nếu không giúp đỡ điều khiển phương tiện theo yêu cầu của người áp tải nhằm giữ gìn bảo vệ hàng hoá hoặc có hành vi vô trách nhiệm khác làm thiệt hại cho bên chủ hàng thì phải chịu trách nhiệm theo phần lỗi của mình.

Điều 9. Thanh toán cước phí vận tải

1. Tiền cước phí chính mà Bên A phải thanh toán cho Bên B bao gồm:
 - ✚ Đơn giá cước: 20.000 đồng/Km;
 - Tiền phụ phí vận tải Bên A phải thanh toán cho Bên B tùy theo từng cung đường.

Điều 10. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

1. Bên nào vi phạm hợp đồng, một là phải thanh toán cho bên vi phạm tiền phạt vi phạm hợp đồng, mặt khác nếu có thiệt hại xảy ra do lỗi vi phạm hợp đồng dẫn đến mất mát, hư hỏng, tài sản phải chi phí để ngăn chặn hạn chế thiệt hại do vi phạm gây ra, tiền phạt do vi phạm hợp đồng khác và tiền bồi thường thiệt hại mà bên bị vi phạm phải trả cho bên thứ ba là hậu quả trực tiếp của sự vi phạm này gây ra thì bên có lỗi phải chịu trách nhiệm bồi thường.
2. Nếu Bên B có lỗi làm hư hỏng hàng hoá trong quá trình vận chuyển thì:
 - ✚ Trong trường hợp có thể sửa chữa được nếu Bên A tiến hành sửa chữa thì Bên B phải đài thọ chi phí sửa chữa cho Bên A;
 - ✚ Nếu hư hỏng đến mức không còn khả năng sửa chữa thì hai bên thỏa thuận mức bồi thường hoặc nhờ Cơ quan chuyên môn giám định và xác nhận tỷ lệ bồi thường.

Điều 11. Xử lý tranh chấp hợp đồng

125
TY
HÀN
THIỆ
PORTI
IỆT NA
Y HẢI

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết trên cơ sở thoả thuận bình đẳng, cùng có lợi (cần lập biên bản ghi rõ toàn bộ nội dung sự việc và phương án giải quyết để áp dụng)
2. Trong trường hợp các bên không tự giải quyết được thì thống nhất nộp đơn đến Toà án nhân dân để được giải quyết.
3. Chi phí cho những hoạt động kiểm tra xác minh và án phí Toà án do bên có lỗi chịu.

Điều 12. Hiệu lực của hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày kí.
2. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B

